BÀI GIẢNG: PHÂN TÍCH CẤU TRÚC ĐỀ THI TỐT NGHIỆP THPT VÀ ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC
CHUYÊN ĐỀ: TỔNG QUAN VỀ KỲ THI TN THPT VÀ ĐGNL MÔN ĐỊA LÍ
MÔN: ĐỊA LÍ 11

GIÁO VIÊN: VŨ HẢI NAM

MỤC TIÊU

✓ *Ôn tập, phân tích cấu trúc đề thi tốt nghiệp THPT và Đánh giá năng lực.*

1. CẤU TRÚC ĐỀ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TỪ NĂM 2025

Phần I: Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (Gồm 18 câu - 4,5 điểm)

- Dạng trắc nghiệm lí thuyết:

Câu 1. Phần đất liền của lãnh thổ nước ta tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

A. Thái Lan. B. Trung Quốc. C. Ma-lai-xi-a. D. Mi-an-ma.

Câu 2. Ở nước ta, bão thường kèm theo

A. mưa lớn, gió mạnh. B. cát bay, cát chảy.

C. đất nhiễm mặn, nhiễm phèn. D. động đất, sóng thần.

Câu 3. Thành phố nào sau đây của nước ta thuộc loại đô thị đặc biệt?

A. Hạ Long. B. Hà Nội. C. Biên Hòa. D. Đà Nẵng.

Câu 4. Nguồn lao động ở nước ta hiện nay **không** có đặc điểm nào sau đây?

A. Lao động chiếm trên 50% dân số. B. Chất lượng lao động ngày càng tăng.

C. Có khả năng hội nhập với quốc tế. D. Ít kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.

Câu 5. Vật nuôi cung cấp sản lượng thịt lớn nhất ở nước ta hiện nay là

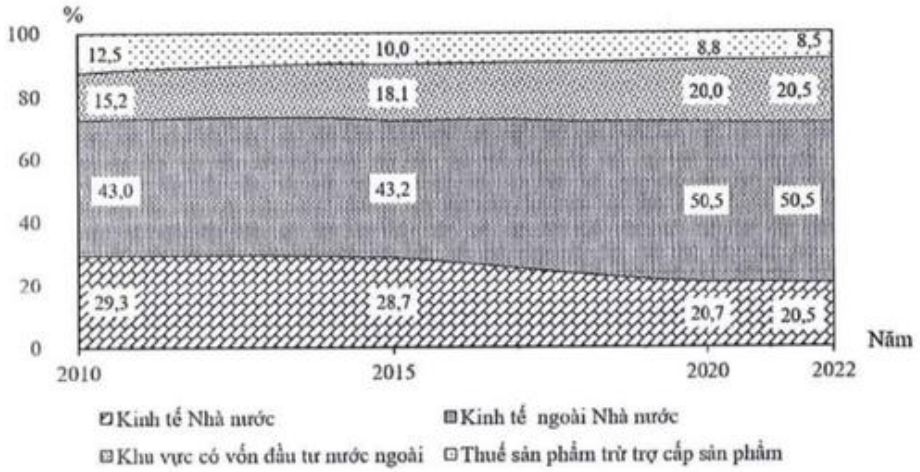
A. lợn. B. gia cầm. C. trâu. D. bò.

Câu 6. Nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất lớn nhất ở nước ta hiện nay?

A. Sơn La. B. Hòa Bình. C. Thác Bà. D. Trị An.

- Dạng trắc nghiệm về kĩ năng:

Câu 14. Cho biểu đồ sau:



Biểu đồ cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế ở nước ta giai đoạn 2010 – 2022

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, 2023. Nxb Thống kê)

Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

A. Kinh tế Nhà nước và kinh tế ngoài Nhà nước có tỉ trọng tăng.
B. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài và kinh tế Nhà nước có tỉ trọng giảm.
C. Tỉ trọng kinh tế ngoài Nhà nước tăng 5,3% giai đoạn 2010 - 2022.
D. Tỉ trọng kinh tế ngoài Nhà nước tăng nhiều nhất trong giai đoạn 2010 - 2022.

Phần II: Câu trắc nghiệm đúng sai (Gồm 4 câu - 4,0 điểm)

- Dạng cho đoạn thông tin:

Câu 2. Cho thông tin sau:

Ngành dịch vụ có vai trò quan trọng trong hoạt động sản xuất và đời sống. Sự phát triển dịch vụ góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế của nước ta theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao chất lượng cuộc sống nhân dân. Nước ta có nhiều điều kiện để phát triển ngành dịch vụ như: vị trí địa lí, địa hình, khí hậu, trình độ phát triển kinh tế, dân cư và nguồn lao động, chính sách phát triển kinh tế, thị trường, lịch sử, văn hóa,…

a) Ngành dịch vụ đóng góp cao nhất trong cơ cấu GDP nước ta, góp phần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế.

b) Trình độ phát triển kinh tế, chính sách phát triển kinh tế tác động đến quy mô và cơ cấu dịch vụ.

c) Vị trí địa lí, các điều kiện tự nhiên là điều kiện quan trọng để đáp ứng các tiêu chuẩn toàn cầu trong phát triển dịch vụ.

d) Điều kiện về lịch sử, văn hóa là cơ sở chủ yếu để thúc đẩy phân công lao động dịch vụ theo lãnh thổ.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng kinh tế ở nước ta chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu như: lũ lụt, hạn hán, xâm nhập mặn, triều cường, nước biển dâng, sạt lở bờ sông, sạt lở các khu vực ven biển và các rủi ro khác liên quan đến biến đổi khí hậu.

a) Đồng bằng sông Cửu Long có ba mặt giáp biển, địa hình thấp nhất nước ta, có nhiều cửa sông đổ ra biển.

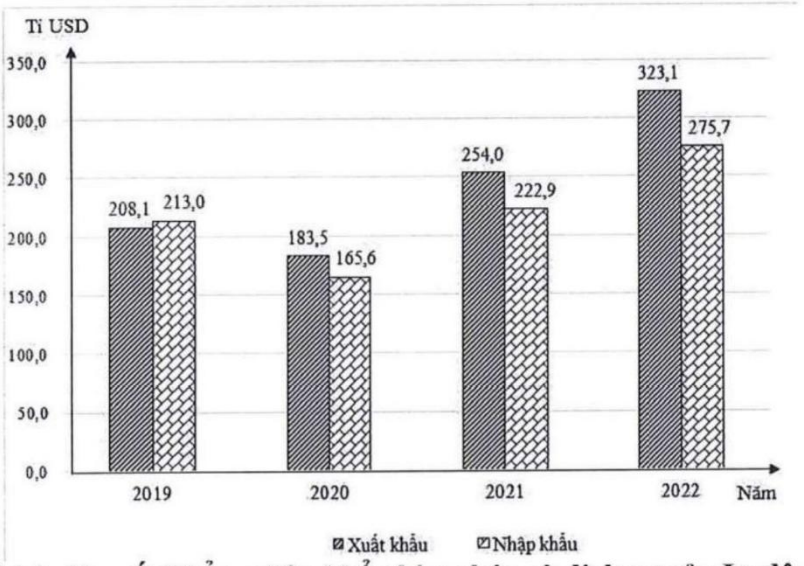
b) Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp trong vùng, sử dụng các loại cây trồng, vật nuôi thích ứng với hạn hán, chịu được ngập và xâm nhập mặn là giải pháp chủ yếu để giảm thiểu tác nhân gây ra biến đổi khí hậu.

c) Giải pháp góp phần thích ứng với biến đổi khí hậu của vùng là đẩy mạnh trồng rừng, chủ động hội nhập quốc tế, trao đổi thông tin, huy động các nguồn lực để giảm thiểu phát thải nhà kính.

d) Một trong những mục tiêu để phát triển kinh tế, ứng phó với biến đổi khí hậu của vùng là phát triển các mô hình sinh kế thông minh, nâng cao hiểu biết của người dân, thay đổi tập quán sản xuất.

- Dạng cho biểu đồ:

Câu 4. Cho biểu đồ:



Biểu đồ trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ của In-đô-nê-xi-a giai đoạn 2019 – 2022

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023, Nxb Thống kê 2024)

a) Năm 2022, In-đô-nê-xi-a có cán cân thương mại xuất siêu với trị giá cao nhất.

b) Từ năm 2019 đến năm 2022, In-đô-nê-xi-a có cán cân thương mại xuất siêu.

c) Trị giá xuất khẩu và trị giá nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a có biến động trong giai đoạn 2019 - 2022.

d) Năm 2022 so với năm 2019, trị giá nhập khẩu của In-đô-nê-xi-a tăng nhanh hơn trị giá xuất khẩu.

Phần III: Câu trắc nghiệm trả lời ngắn (Gồm 6 câu - 1,5 điểm)

Câu 1. Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng năm 2022 tại trạm quan trắc Nha Trang

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	25,1	25,3	26,8	27,1	28,7	29,4	28,9	28,6	28,4	26,8	26,7	24,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết nhiệt độ không khí trung bình năm 2022 tại trạm quan trắc Nha Trang là bao nhiêu °C (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2. Cho bảng số liệu:

Mực nước một số sông chính ở nước ta năm 2022

(Đơn vị: cm)

Mực nước	Cao nhất	Thấp nhất
Sông Mã (trạm Cẩm Thủy)	1798	1120
Sông Cả (trạm Dừa)	2277	1327

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2022, Nxb Thống kê 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết năm 2022, sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Cả tại trạm Dừa cao hơn so với sự chênh lệch mực nước cao nhất và mực nước thấp nhất của sông Mã tại trạm Cẩm Thủy là bao nhiêu cm.

Câu 3. Năm 2022, nước ta có tỉ suất sinh thô là 15,2‰, tỉ suất chết thô là 6,1‰. Tỉ lệ tăng dân số tự nhiên của nước ta là bao nhiêu phần trăm? (làm tròn kết quả đến hai chữ số thập phân).

Câu 4. Năm 2022, tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của nước ta là 731,5 tỉ USD, trong đó trị giá xuất khẩu là 371,7 tỉ USD. Hãy cho biết tỉ trọng trị giá nhập khẩu của nước ta trong tổng trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

2. CẤU TRÚC ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC ĐHQG HÀ NỘI (HSA)



- Chủ đề Địa lí có 17 câu hỏi.

- Kiến thức trải rộng từ lớp 10 – 12

- Hai dạng câu hỏi:

+ Câu hỏi đơn: 14 câu

- Dạng trắc nghiệm lí thuyết:

Câu hỏi 501

Vật liệu cấu tạo vỏ Trái Đất gồm thành phần chủ yếu:

(A) khoáng sản và đá.
(B) khoáng vật và đá.
(C) khoáng vật và đất.
(D) khoáng sản và đất.

Câu hỏi 502

Cơ cấu dân số sinh học gồm:

(A) giới tính và độ tuổi.
(B) giới tính và lao động.
(C) độ tuổi và trình độ văn hóa.
(D) lao động và trình độ văn hóa.

Câu hỏi 503

Sự ra đời tổ chức nào sau đây là biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế?

(A) Ngân hàng thế giới (WB)
(B) Liên minh châu Âu (EU)
(C) Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)
(D) Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC)

Dạng trắc nghiệm về kĩ năng:

Câu hỏi 507

Cho bảng số liệu lượng mưa các tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Đà Nẵng:

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Lượng mưa (mm)	184,0	88,4	15,9	22,7	55,9	106,3	89,7	32,3	456,5	1836,2	742,0	317,2

(Nguồn: Niên giám thống kê 2023, Nxb Thống kê, 2024)

Theo bảng số liệu và dựa vào kiến thức đã học, phát biểu nào sau đây đúng về mùa mưa ở Đà Nẵng?

(A) Tập trung vào mùa đông do tín phong bán cầu Bắc, địa hình thấp, áp thấp nhiệt đới

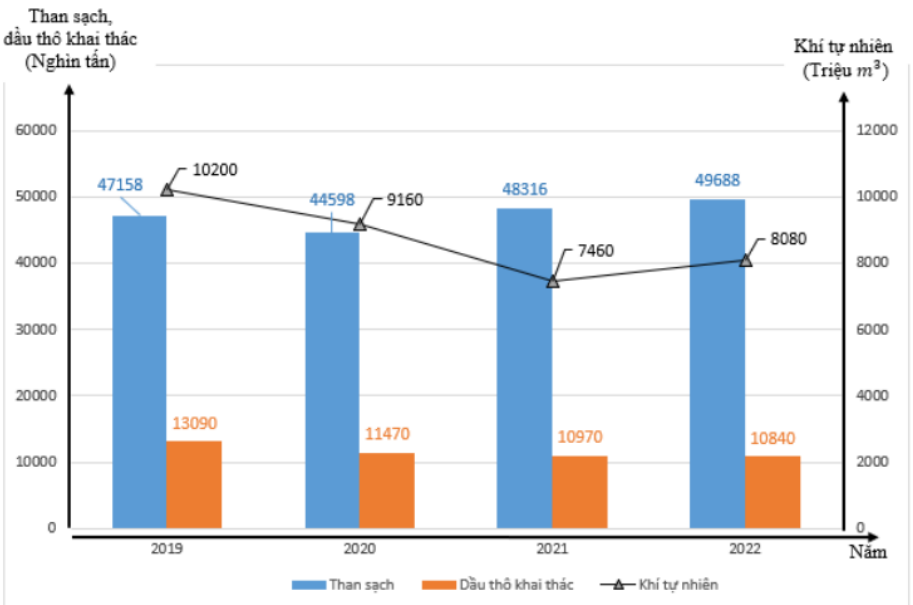
(B) Tập trung vào mùa xuân do frông, tín phong bán cầu Nam, dải hội tụ nhiệt đới, bão

(C) Tập trung vào thu đông do gió mùa, địa hình, tín phong, dải hội tụ nhiệt đới và bão

(D) Tập trung vào thu đông do gió phơn Tây Nam, gió mùa Đông Bắc, áp thấp nhiệt đới

Câu hỏi 510

Biểu đồ dưới đây thể hiện nội dung nào về ngành công nghiệp khai thác than, dầu, khí tự nhiên của nước ta giai đoạn 2019 - 2022?



(Niên giám thống kê Việt Nam 2023, Nxb Thống kê, 2024)

(A) Sản lượng than sạch, dầu thô khai thác và tốc độ tăng khí tự nhiên

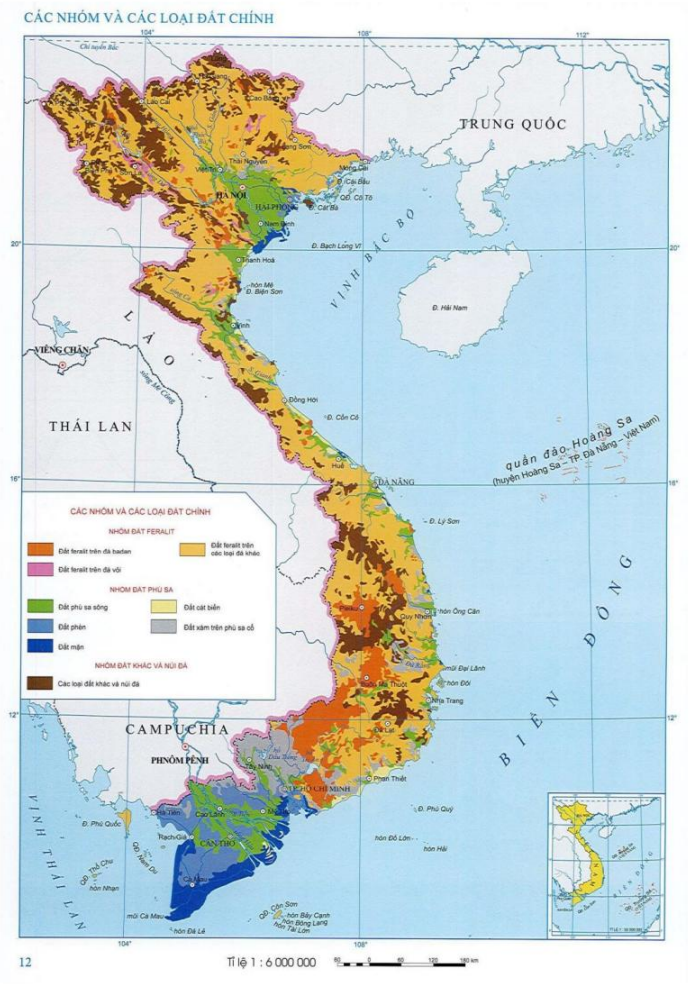
(B) Sản lượng than sạch, dầu thô khai thác và khí tự nhiên của nước ta

(C) Quy mô, cơ cấu sản lượng than sạch, dầu thô khai thác, khí tự nhiên

(D) Tốc độ tăng sản lượng than sạch, dầu thô khai thác và khí tự nhiên

+ Câu hỏi chùm: 1 câu chùm chứa 3 câu hỏi con

Dựa vào bản đồ dưới đây và kiến thức đã học, trả lời các câu hỏi từ 515 đến 517.



(Nguồn: Atlat Địa lí Việt Nam, Nxb Giáo dục Việt Nam, 2024)

Câu hỏi 515

Loại đất phổ biến nhất ở Đông Nam Bộ gồm

(A) đất feralit trên đá badan và feralit trên đá phiến.
(B) đất xám trên phù sa cổ và feralit trên đá badan.
(C) đất feralit trên đá granit và đất phù sa màu mỡ.
(D) đất xám trên phù sa cổ và phù sa sông được bồi.

Câu hỏi 516

Những đặc điểm nào sau đây của đất ở Tây Nguyên thuận lợi nhất để phát triển vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm?

(A) Nhiều loại đất khác nhau, chất lượng tốt
(B) Đất xám phù sa cổ, tầng phong hóa dày
(C) Đất feralit trên đá vôi, phong hóa mạnh
(D) Đất badan màu mỡ, phân bố tập trung

Câu hỏi 517

Màu nhóm đất chủ đạo của Việt Nam được tạo thành do những yếu tố nào sau đây?

(A) Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, địa hình đồi núi cao, rửa trôi các chất badơ dễ tan.
(B) Đá mẹ rất đa dạng, khí hậu nhiệt đới ẩm thất thường, lượng mưa phân hóa theo mùa.
(C) Nền nhiệt độ cao quanh năm, thảm thực vật đa dạng, tác động mạnh của con người.
(D) Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, địa hình đồi núi thấp, tích tụ nhiều ôxít sắt và nhôm.

3. CẤU TRÚC ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TRƯỜNG ĐHQG TP HỒ CHÍ MINH (V-ACT)

Chỉ có 1 câu hỏi chùm gồm 3 câu hỏi con

Dựa vào thông tin dưới đây để trả lời các câu từ 112 đến 114

Tháng 7/2023, xuất nhập khẩu hàng hóa Việt Nam ước đạt 57,21 tỉ USD, tăng 2,5% so với tháng trước, xuất siêu tiếp tục tăng cao. Cán cân thương mại hàng hóa 7 tháng năm 2023 ước tính xuất siêu 15,23 tỉ USD - một con số kỉ lục của cán cân thương mại hàng hóa 7 tháng từ trước đến nay. Đây là những con số cho thấy hoạt động này tiếp tục có các dấu hiệu tích cực…

Về xuất khẩu hàng hóa, trong tháng 7, hoạt động xuất khẩu hàng hóa tiếp tục có những tín hiệu tích cực khi tăng 0,8% so với tháng trước, là tháng có kim ngạch xuất khẩu cao thứ hai kể từ đầu năm đến nay (chỉ thấp hơn kim ngạch xuất khẩu của tháng 3/2023). Như vậy, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tiếp tục có xu hướng tháng sau tăng so với tháng trước (sau khi giảm vào tháng 4/2023)…

Đối với hoạt động nhập khẩu, nhu cầu hàng hóa của thế giới giảm đã ảnh hưởng không nhỏ đến kim ngạch nhập khẩu hàng hóa, nguyên liệu phục vụ sản xuất đơn hàng xuất khẩu của nước ta. Tuy nhiên, nhờ những tín hiệu tích cực trong sản xuất công nghiệp và xuất khẩu trong tháng 7 nên kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 7/2023 ước đạt 27,53 tỉ USD, tăng 4,4% so với tháng trước.

(Nguồn: *Tóm lược theo Tổng Cục Thống kê Việt Nam*)

Câu 112: Trong 7 tháng đầu năm 2023, nước ta đạt kim ngạch xuất khẩu cao nhất vào tháng nào?

A. Tháng 3. **B.** Tháng 4.
C. Tháng 5. **D.** Tháng 7.

Câu 113: Cán cân thương mại hàng hóa được được tính bằng

A. Trị giá xuất khẩu - Trị giá nhập khẩu. **B.** Trị giá xuất khẩu + Trị giá nhập khẩu.
C. Trị giá xuất khẩu x Trị giá nhập khẩu. **D.** Trị giá xuất khẩu : Trị giá nhập khẩu.

Câu 114: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 6/2023 ước đạt

A. 26,37 tỉ USD. **B.** 28,74 tỉ USD.
C. 19,12 tỉ USD. **D.** 19,95 tỉ USD.

4. CẤU TRÚC ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TRƯỜNG ĐH SƯ PHẠM HÀ NỘI (SPT)

Phần I. Trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn (Gồm 12 câu - 3 điểm)

- Dạng trắc nghiệm lí thuyết:

Câu 1. Mục đích chủ yếu của quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nước ta hiện nay là

A. thích ứng với biến đổi khí hậu, mở rộng thị trường và tạo thêm nhiều việc làm mới.
B. khai thác hợp lí nguồn lực, nâng cao hiệu quả tăng trưởng và phát triển bền vững.
C. phát huy lợi thế quốc gia, thúc đẩy đổi mới công nghệ và chất lượng tăng trưởng.
D. sử dụng hiệu quả tài nguyên đất và khoáng sản, khai thác tối đa tài nguyên tự nhiên.

Câu 2. Loại gió nào sau đây là nhân tố chính tạo nên mùa khô ở Nam Bộ của nước ta?

A. Gió phơn Tây Nam. **B.** Tín phong bán cầu Bắc.
C. Gió mùa Đông Bắc. **D.** Gió mùa Tây Nam.

Câu 3. Chăn nuôi lợn và gia cầm ở Đồng bằng sông Cửu Long phát triển mạnh chủ yếu nhờ

A. chính sách thu hút đầu tư, lao động có nhiều kinh nghiệm.
B. điều kiện tự nhiên thuận lợi, cơ sở chăn nuôi phát triển.
C. nguồn thức ăn phong phú, thị trường tiêu thụ rộng lớn.
D. sử dụng giống vật nuôi mới, công nghiệp chế biến phát triển.

- Dạng trắc nghiệm về kĩ năng:

Câu 7. Cho bảng số liệu:

TỈ SUẤT NHẬP CƯ VÀ TỈ SUẤT XUẤT CƯ
CỦA VÙNG ĐÔNG NAM BỘ TRONG GIAI ĐOẠN 2010 - 2022

(Đơn vị: ‰)

Năm	2010	2015	2020	2022
Tỉ suất nhập cư	24,8	12,8	20,4	10,3
Tỉ suất xuất cư	4,9	3,1	1,7	2,4

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2016, năm 2023)

Dựa vào bảng số liệu, hãy chọn nhận xét đúng về tỉ suất nhập cư, tỉ suất xuất cư và tỉ suất gia tăng dân số cơ học của vùng Đông Nam Bộ trong giai đoạn 2010 - 2022.

A. Tỉ suất nhập cư và tỉ suất xuất cư giảm liên tục qua các năm.
B. Tỉ suất nhập cư và tỉ suất xuất cư tăng liên tục qua các năm.
C. Tỉ suất gia tăng dân số cơ học cao nhất vào năm 2010.
D. Tỉ suất gia tăng dân số cơ học tăng liên tục qua các năm.

Câu 8. Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA PHÂN THEO MỘT SỐ NGÀNH KINH TẾ
Ở NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN 2010 - 2022

(Đơn vị: triệu đô la Mỹ)

Năm	2010	2015	2020	2022
Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	5 123,6	6 519,3	7 761,2	6 737,6
Khai khoáng	6 794,1	4 368,1	2 275,0	764,3
Công nghiệp chế biến, chế tạo	59 634,7	149 929,6	271 042,9	361 995,2

(Nguồn: https://www.gso.gov.vn/thuong-mai-dich-vu/)

Dựa vào bảng số liệu, hãy chọn nhận xét đúng về tình hình xuất khẩu hàng hóa phân theo một số ngành kinh tế ở nước ta trong giai đoạn 2010 - 2022.

A. Công nghiệp chế biến, chế tạo là ngành có trị giá xuất khẩu hàng hóa cao nhất và tăng liên tục.
B. Trị giá xuất khẩu hàng hóa của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng liên tục qua các năm.
C. Trị giá xuất khẩu hàng hóa của ngành nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tăng chậm hơn các ngành khác.
D. Trị giá xuất khẩu hàng hóa của các ngành kinh tế đều có xu hướng tăng liên tục qua các năm.

Câu 9. Cho bảng số liệu:

NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRUNG BÌNH THÁNG TẠI HÀ NỘI VÀ CẦN THƠ

(Đơn vị: ^0C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Hà Nội	16,6	17,7	20,3	24,2	27,6	29,3	29,4	28,7	27,7	25,3	21,9	18,3
Cần Thơ	25,4	26,1	27,3	28,5	28,0	27,3	26,9	26,8	26,8	26,9	26,9	25,7

(Nguồn: Quy chuẩn kĩ thuật quốc gia về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng, 2022)

Nhận xét nào sau đây đúng về nhiệt độ không khí trung bình tháng tại Hà Nội và Cần Thơ?

A. Cần Thơ có chế độ nhiệt phân hóa theo mùa.
B. Hà Nội có nhiệt độ trung bình năm trên 25^0C.
C. Hà Nội có chế độ nhiệt tương đối điều hòa.
D. Biên độ nhiệt của Cần Thơ nhỏ hơn Hà Nội.

Phần II. Trắc nghiệm đúng sai (Gồm 3 câu - 3 điểm)

- Dạng cho đoạn thông tin:

Câu 3. Cho đoạn thông tin sau:

"Vùng Đông Nam Bộ có diện tích 23 551 km^2, chiếm 7,1% diện tích cả nước. Bên cạnh đó, tính đến năm 2022, dân số của vùng khoảng 18,8 triệu người, chiếm 18,9% dân số cả nước, trong đó có tới 14,9 triệu người ở khu vực đô thị, đạt tỉ lệ đô thị hóa hơn 67%, cao nhất trong các vùng kinh tế - xã hội của cả nước [...]. Vùng Đông Nam Bộ từ lâu đã được xác định là vùng kinh tế đầu tàu, động lực của cả nước."

(Nguồn: Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 26, tháng 9/2023)

a) Tỉ lệ dân thành thị của vùng Đông Nam Bộ cao hơn mức trung bình của cả nước.

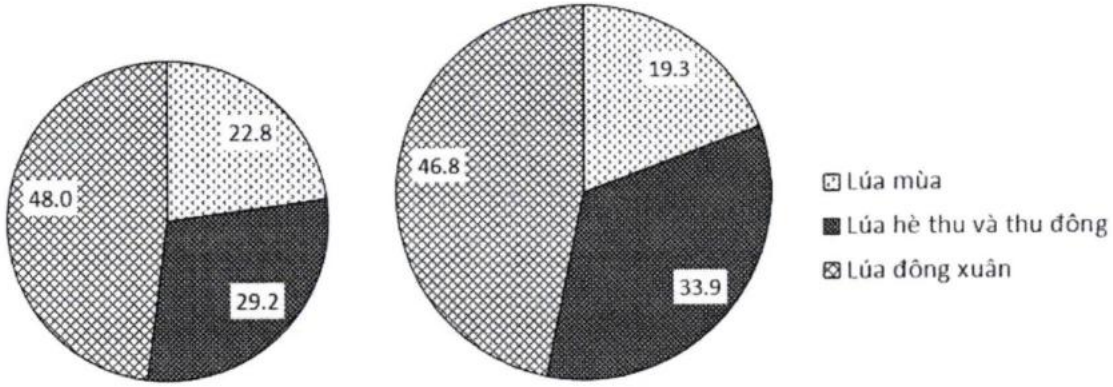
b) Mật độ dân số của vùng Đông Nam Bộ năm 2022 khoảng 798 người/km^2.

c) Đông Nam Bộ có tỉ lệ dân thành thị cao nhất trong các vùng kinh tế - xã hội ở nước ta chủ yếu do có tỉ lệ gia tăng cơ học cao nhất.

d) Đông Nam Bộ là vùng kinh tế đầu tàu, động lực của cả nước là do ở đây có diện tích, dân số và tỉ lệ đô thị hóa cao nhất.

- Dạng cho biểu đồ/bảng số liệu:

Câu 1. Cho biểu đồ:



Năm 2010 **Năm 2022**

CƠ CẤU SẢN LƯỢNG LÚA CỦA NƯỚC TA NĂM 2010 VÀ NĂM 2022

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2016 và 2023)

a) Tỉ trọng sản lượng lúa đông xuân và lúa mùa đều giảm.

b) Tỉ trọng sản lượng lúa hè thu và thu đông tăng.

c) Tỉ trọng sản lượng lúa đông xuân giảm nhanh hơn lúa mùa.

d) Cơ cấu sản lượng lúa phân theo mùa vụ có sự thay đổi chủ yếu do ảnh hưởng của yếu tố thị trường trong và ngoài nước.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG TẠI QUY NHƠN VÀ PLEIKU

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Quy Nhơn	66,8	28,2	33,0	33,8	85,2	62,1	44,2	77,2	230,6	521,0	464,3	205,5
Pleiku	2,4	6,7	24,2	92,8	249,2	322,9	396,1	462,7	385,9	190,8	62,4	10,8

(Nguồn: Quy chuẩn kĩ thuật quốc gia về Số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng, 2022)

a) Quy Nhơn và Pleiku đều có sự phân hóa mùa mưa và mùa khô rõ rệt.

b) Mùa mưa ở Quy Nhơn diễn ra vào thu đông, mùa mưa ở Pleiku diễn ra vào hè thu.

c) Quy Nhơn có tổng lượng mưa vào mùa mưa lớn hơn so với Pleiku.

d) Sự khác biệt về mùa mưa ở Quy Nhơn và Pleiku là do tác động của gió mùa và địa hình.

Phần III. Trắc nghiệm trả lời ngắn: đáp án là một số hoặc một từ/cụm từ (Gồm 4 câu - 1 điểm)

- Dạng đáp án là một số:

Câu 1. Theo Tổng cục Thống kê, năm 2022, tỉ suất sinh thô của nước ta là 15,2‰, tỉ suất chết thô là 6,1‰. Tỉ lệ gia tăng dân số tự nhiên năm 2022 của nước ta là bao nhiêu phần trăm (làm tròn kết quả đến chữ số thập phân thứ nhất)?

- Dạng đáp án là một từ/cụm từ

Câu 4. Cho bảng số liệu:

HIỆN TRẠNG RỪNG ĐẾN 31/12/2023 PHÂN THEO CÁC VÙNG CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị: nghìn ha)

Vùng	Tổng diện tích có rừng	Diện tích rừng trồng
Đồng bằng sông Hồng	489,4	307,3
Trung du và miền núi phía Bắc	5 439,6	1 701,2
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	5 621,2	1 843,7
Tây Nguyên	2 585,7	492,1
Đông Nam Bộ	479,7	220,8
Đồng bằng sông Cửu Long	244,6	165,4

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam năm 2023)

Dựa vào bảng số liệu, hãy cho biết đến 31/12/2023, vùng nào ở nước ta có tỉ trọng diện tích rừng trồng trong tổng diện tích có rừng lớn nhất.

Phần IV. Tự luận (Gồm 1 câu - 3 điểm)

Câu tự luận yêu cầu nhận xét và giải thích bảng số liệu:

Câu 5. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THỦY SẢN KHAI THÁC VÀ NUÔI TRỒNG CỦA NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN 2015 - 2022

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	Sản lượng thủy sản khai thác	Sản lượng thủy sản nuôi trồng
2015	3 176,5	3 550,7
2020	3 896,5	4 739,2
2022	3 874,3	5 233,8

(Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam 2016, 2023)

Dựa vào bảng số liệu, hãy nhận xét và giải thích sự thay đổi về cơ cấu sản lượng thủy sản của nước ta trong giai đoạn 2015 - 2022.